

**CÔNG TY TNHH F.I.F**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH F.I.F

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107281931

**3. Ngày thành lập:** 07/01/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 9, Ngõ 44, Trần Tử Bình, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0437560800

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                          | 1610(Chính) |
| 2.  | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                                       | 1621        |
| 3.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                 | 1622        |
| 4.  | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                                                 | 1623        |
| 5.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                | 1629        |
| 6.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                 | 4663        |
| 7.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự                                                                                                | 4669        |
| 8.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                       | 4690        |
| 9.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                    | 4711        |
| 10. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                      | 4719        |
| 11. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                       | 4721        |
| 12. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                        | 4722        |
| 13. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                          | 4723        |
| 14. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                     | 4724        |
| 15. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 16. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 17. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                           | 3100 |
| 18. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                   | 4100 |
| 19. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                               | 4210 |
| 20. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                            | 4220 |
| 21. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4290 |
| 22. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311 |
| 23. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312 |
| 24. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                          | 4330 |
| 25. | Đại lý, môi giới, đấu giá                                                                                                                                               | 4610 |
| 26. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                  | 4620 |
| 27. | Bán buôn gạo                                                                                                                                                            | 4631 |
| 28. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                      | 4632 |
| 29. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                        | 4633 |
| 30. | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào                                                                                                                                   | 4634 |
| 31. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                    | 4641 |
| 32. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                      | 4649 |
| 33. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                     | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGÔ THANH HẢI

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 12/03/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012735530

Ngày cấp: 20/09/2007

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 9, ngõ 41, đường Trần Tử Bình, tổ 41, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 9, ngõ 41, đường Trần Tử Bình, tổ 41, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: NGÔ THANH HẢI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 12/03/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012735530

Ngày cấp: 20/09/2007

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số 9, ngõ 41, đường Trần Tử Bình, tổ 41, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số 9, ngõ 41, đường Trần Tử Bình, tổ 41, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội